lǎo shi

老实

Adjective · honest; frank

Example Sentences

tā shì gè hěn lǎo shi de rén cóng bù shuō huǎng
他是个很老实的人，从不说谎。

He is a very honest person and never lies.

tā hěn lǎo shí
他很老实。

He is very honest.

zhè ge hái zi hěn lǎo shí cóng bù sā huǎng
这个孩子很老实，从不撒谎。

This child is very honest and never lies.

Trace each character, then write the word on your own.